

Phụ lục 1
DANH SÁCH
PHÒNG THI, SỐ BÁO DANH KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI UBND CÁC PHƯỜNG
THUỘC QUẬN BẮC TỪ LIÊM NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 1478/TB-HĐTT ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển)

Số TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đăng ký	Ngoại ngữ dự thi	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký	Đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng	Ghi chú
1	1	CP001	Khuất Hiền Anh	29/04/2001	Nữ	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
2	1	CP002	Dương Thị Châu	10/01/1997	Nữ	Cử nhân	Quản lý Nhà nước	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
3	1	CP003	Lưu Đức Dũng	10/09/1996	Nam	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
4	1	CP004	Trương Quang Hải	07/10/1998	Nam	Đại học	Quản lý Nhà nước	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
5	1	CP005	Đỗ Tiến Hiệp	18/04/1998	Nam	Đại học	Quản lý Nhà nước	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
6	1	CP006	Trần Mai Hương	04/10/2000	Nữ	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
7	1	CP007	Nguyễn Hương Lam	08/12/1997	Nữ	Đại học	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
8	1	CP008	Nguyễn Mai Linh	20/10/2002	Nữ	Cử nhân	Công nghệ Thông tin	Tiếng Anh	DTTS	Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
9	1	CP009	Nguyễn Thị Ngân	15/05/2001	Nữ	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
10	1	CP010	Nguyễn Trọng Quý	11/09/1989	Nam	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh	HTNV	Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
11	1	CP011	Nghiêm Thị Diệu Thúy	28/10/1986	Nữ	Đại học	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	

12	1	CP012	Đặng Thu	Trang	30/09/2002	Nữ	Đại học	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Đức Thắng	
13	1	CP013	Bùi Thị Hương	Hải	11/02/1994	Nữ	Thạc sĩ; Đại học	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
14	1	CP014	Vũ Thương	Huyền	03/10/2002	Nữ	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
15	1	CP015	Uông Văn	Lập	07/10/1991	Nam	Thạc sĩ	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
16	1	CP016	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/05/1992	Nam	Đại học	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
17	1	CP017	Ngô Hải	Minh	21/08/2001	Nam	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
18	1	CP018	Trần Tuấn	Nghĩa	14/10/2002	Nam	Đại học	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
19	1	CP019	Nguyễn Trọng Anh	Ngọc	20/11/1991	Nam	Cử nhân	Luật	MNN		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
20	1	CP020	Nguyễn Như	Quỳnh	03/08/2000	Nữ	Đại học	Quản lý Nhà nước	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
21	1	CP021	Phí Thanh	Tâm	14/04/1990	Nữ	Đại học	Luật	MNN		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
22	1	CP022	Đỗ Quốc	Tuấn	02/02/1994	Nam	Đại học	Luật	Tiếng Anh		Văn phòng-Thống kê	Thượng Cát	
23	1	CP023	Trần Tuấn	Anh	18/10/1986	Nam	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
24	1	CP024	Đặng Cao	Dũng	04/07/1994	Nam	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
25	1	CP025	Đỗ Đình Minh	Hiếu	11/01/1997	Nam	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
26	1	CP026	Nguyễn Minh	Hiếu	23/02/1998	Nam	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
27	1	CP027	Trần Thị	Hoan	27/03/1988	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học Môi trường	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
28	1	CP028	Nguyễn Văn	Kiên	29/08/1987	Nam	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	

29	1	CP029	Bùi Chí Linh	06/04/1997	Nam	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh	HTNV	Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
30	1	CP030	Nguyễn Thị Hương Ly	14/07/1995	Nữ	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
31	1	CP031	Đoàn Thị Lý	01/02/1981	Nữ	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh	CĐCĐ	Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
32	1	CP032	Nguyễn Đức Mạnh	28/09/1992	Nam	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
33	2	CP033	Nguyễn Ngọc Quỳnh	10/08/1992	Nữ	Thạc sĩ; Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
34	2	CP034	Nguyễn Văn Sơn	12/10/1994	Nam	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
35	2	CP035	Nguyễn Duy Thuận	08/07/1981	Nam	Kỹ sư	Quản lý Môi trường	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
36	2	CP036	Mai Thị Xoan	10/06/1989	Nữ	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
37	2	CP037	Nguyễn Thị Yêu	23/04/2001	Nữ	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Minh Khai	
38	2	CP038	Nguyễn Tuấn Anh	23/12/1994	Nam	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
39	2	CP039	Nguyễn Mạnh Cường	30/07/1987	Nam	Thạc sĩ	Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
40	2	CP040	Phạm Thái Bình Dương	19/01/1997	Nam	Đại học	Kỹ thuật Môi trường đô thị	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
41	2	CP041	Nguyễn Thị Huyền	05/12/1992	Nữ	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
42	2	CP042	Nguyễn Văn Hiệp	23/12/1991	Nam	Kỹ sư	Kỹ thuật Trắc địa và bản đồ	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
43	2	CP043	Phạm Đức Lộc	20/04/1995	Nam	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	

44	2	CP044	Đặng Vân	Nga	30/08/1993	Nữ	Đại học	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
45	2	CP045	Nguyễn Minh	Phúc	25/10/1993	Nam	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
46	2	CP046	Nguyễn Hữu	Quỳnh	05/08/1992	Nam	Đại học	Quản lý đất đai	MNN		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
47	2	CP047	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	03/03/2001	Nữ	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
48	2	CP048	Trần Văn	Toán	10/10/1980	Nam	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Tiếng Anh	TBB	Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
49	2	CP049	Phùng Bá	Thành	27/10/1997	Nam	Đại học	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
50	2	CP050	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/1987	Nữ	Đại học	Khoa học Môi trường	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
51	2	CP051	Trần Hoài	Vân	30/08/1990	Nam	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
52	2	CP052	Nghiêm Quốc	Việt	01/09/1990	Nam	Đại học	Quản lý đất đai	Tiếng Anh		Địa chính-Môi trường	Xuân Tảo	
53	2	CP053	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	19/05/1995	Nữ	Cử nhân	Quản trị nhân lực	Tiếng Anh		Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	
54	2	CP054	Trần Thị Diệu	Huyền	16/03/2001	Nữ	Đại học	Quản trị nhân lực	Tiếng Anh		Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	
55	2	CP055	Trần Thị Thùy	Linh	26/02/1999	Nữ	Cử nhân	Công tác xã hội	Tiếng Anh		Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	
56	2	CP056	Lê Minh	Phượng	06/08/2000	Nữ	Đại học	Công tác xã hội	Tiếng Anh		Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	
57	2	CP057	Lê Ngọc	Tuyển	03/04/1988	Nam	Đại học	Công tác xã hội	Tiếng Anh		Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	
58	2	CP058	Bình Thị	Thúy	10/09/1988	Nữ	Đại học	Quản trị nhân lực	Tiếng Anh		Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	
59	2	CP059	Phan Thị Thùy	Trang	22/05/2000	Nữ	Cử nhân	Quản trị nhân lực	Tiếng Anh		Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	
60	2	CP060	Ma Thị	Trang	05/08/1995	Nữ	Đại học	Quản trị nhân lực	Tiếng Anh	DTTS	Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	

61	2	CP061	Vũ Duy	Trung	26/03/1996	Nam	Cử nhân	Công tác xã hội	Tiếng Anh	Hoàn thành nhiệm vụ tham gia dự án 174/QĐ-TTg	Lao động-Thương binh-Xã hội	Cổ Nhuế 2	
62	2	CP062	Ngô Tiến	Dũng	23/08/1996	Nam	Cử nhân	Quản lý văn hóa	Tiếng Anh		Văn hóa-Thông tin	Xuân Đình	
63	2	CP063	Lê Thị Thùy	Dương	27/06/1999	Nữ	Cử nhân	Việt Nam học	Tiếng Anh		Văn hóa-Thông tin	Xuân Đình	
64	2	CP064	Phùng Ánh	Mai	10/11/1997	Nữ	Cử nhân	Việt Nam học	Tiếng Anh		Văn hóa-Thông tin	Xuân Đình	
65	3	CP065	Lê Thị	Thúy	08/05/1988	Nữ	Đại học	Văn hóa	MNN	CBB	Văn hóa-Thông tin	Xuân Đình	
66	3	CP066	Đỗ Thị Minh	Thư	03/03/1993	Nữ	Cử nhân	Bảo tàng	MNN		Văn hóa-Thông tin	Xuân Đình	
67	3	CP067	Nguyễn Văn	Bắc	03/03/2000	Nam	Đại học	Xây dựng	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Cổ Nhuế 1	
68	3	CP068	Trần Xuân	Hành	06/01/1984	Nam	Đại học	Xây dựng cầu đường	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Cổ Nhuế 1	
69	3	CP069	Trịnh Đức	Hiền	16/05/1999	Nam	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Cổ Nhuế 1	
70	3	CP070	Nguyễn Ngọc	Hưng	28/01/1991	Nam	Đại học	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Cổ Nhuế 1	
71	3	CP071	Phạm Ngọc	Long	19/06/1988	Nam	Đại học	Kiến trúc	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Cổ Nhuế 1	
72	3	CP072	Nguyễn Chí	Long	19/07/2000	Nam	Đại học	Kiến trúc	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Cổ Nhuế 1	
73	3	CP073	Lê Minh	Thanh	17/06/1982	Nam	Đại học	Kiến trúc công trình	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Đức Thắng	
74	3	CP074	Trần	Vũ	25/04/1989	Nam	Kỹ sư	Quản lý xây dựng đô thị	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Đức Thắng	
75	3	CP075	Nguyễn Hữu Trường	Nam	28/09/1999	Nam	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Liên Mạc	

76	3	CP076	Lê Xuân	Sanh	08/07/1985	Nam	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	MNN		Xây dựng-Đô thị	Liên Mạc	
77	3	CP077	Nguyễn Quang	Tùng	23/05/1991	Nam	Đại học	Kiến trúc	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Liên Mạc	
78	3	CP078	Nguyễn Việt Hoàng	Anh	20/09/1998	Nam	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Phú Diễn	
79	3	CP079	Nguyễn Tiến	Dũng	28/07/1980	Nam	Đại học	Quy hoạch và Quản lý giao thông vận tải đô thị	Tiếng Anh	CTB	Xây dựng-Đô thị	Phú Diễn	
80	3	CP080	Phạm Hồng	Thái	16/04/1998	Nam	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Phú Diễn	
81	3	CP081	Nguyễn Văn	Việt	09/11/1991	Nam	Đại học	Xây dựng	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Phú Diễn	
82	3	CP082	Nguyễn Mạnh	Hiếu	01/05/1991	Nam	Đại học	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Thụy Phương	
83	3	CP083	Vũ Văn	Quang	26/07/1989	Nam	Kỹ sư	Xây dựng	Tiếng Anh		Xây dựng-Đô thị	Thụy Phương	